



## HIỆP HỘI LƯƠNG THỰC VIỆT NAM

62 Nguyễn Thị Thập, Khu Dân Cư Him Lam,  
Phường Tân Hưng, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: +84.28 6298 3497 – 6298 3498  
Fax: +84.28 6298 3490

Website: [www.vietfood.org.vn](http://www.vietfood.org.vn) Email: [info@vietfood.org.vn](mailto:info@vietfood.org.vn)

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2021

### BẢN TIN SỐ 1290

(Lưu hành nội bộ)

# BẢN TIN TRONG TUẦN

(Ngày 19/02/2021 đến ngày 25/02/2021)

## A/ THI TRƯỜNG GAO THẾ GIỚI:

### I. GIÁ GAO TRONG TUẦN: (Nguồn Oryza.com)

**Bảng giá gạo thế giới: (USD/MT, FOB)**

QUỐC GIA	CHẤT LƯỢNG	19-02	22-02	23-02	24-02	25-02
THÁI LAN	Gạo trắng 100% B	528 - 532	528 - 532	528 - 532	528 - 532	528 - 532
	5% tấm	518 - 522	518 - 522	518 - 522	518 - 522	518 - 522
	25% tấm	503 - 507	503 - 507	503 - 507	503 - 507	503 - 507
	Hom Mali 92%	823 - 827	823 - 827	823 - 827	823 - 827	823 - 827
	Gạo đỏ 100% Sxd	518 - 522	518 - 522	518 - 522	518 - 522	524 - 528
	A1 Super	463 - 467	463 - 467	463 - 467	463 - 467	463 - 467
VIỆT NAM	5% tấm	513 - 517	513 - 517	518 - 522	513 - 517	513 - 517
	25% tấm	488 - 492	488 - 492	488 - 492	488 - 492	488 - 492
	Jasmine	578 - 582	578 - 582	578 - 582	578 - 582	573 - 577
	100% tấm	448 - 452	448 - 452	448 - 452	448 - 452	448 - 452
ẤN ĐỘ	5% tấm	398 - 402	398 - 402	398 - 402	398 - 402	398 - 402
	25% tấm	358 - 362	358 - 362	358 - 362	358 - 362	358 - 362
	Gạo đỏ 5% Sxd	383 - 387	383 - 387	383 - 387	383 - 387	383 - 387
	100% tấm Sxd	268 - 272	268 - 272	278 - 282	278 - 282	278 - 282
PAKISTAN	5% tấm	448 - 452	448 - 452	443 - 447	438 - 442	438 - 442
	25% tấm	403 - 407	403 - 407	393 - 397	393 - 397	393 - 397
	100% tấm Sxd	358 - 362	358 - 362	358 - 362	358 - 362	358 - 362
MIỀN ĐIỆN	5% tấm	458 - 462	458 - 462	458 - 462	458 - 462	458 - 462
MỸ	4% tấm	585 - 589	585 - 589	580 - 584	580 - 584	580 - 584
	15% tấm (Sacked)	560 - 564	560 - 564	566 - 570	566 - 570	566 - 570
	Gạo đỏ 4% tấm	583 - 587	583 - 587	583 - 587	583 - 587	583 - 587
	Calrose 4%	876 - 880	876 - 880	880 - 884	880 - 884	893 - 897

## **II. CÁC NƯỚC NHẬP KHẨU:**

### **Bangladesh:**

#### **\* Dự báo từ FAO:**

Ngày 19/02/2021

(Nguồn: *Oryza.com*)

Tổ chức Nông lương Liên hợp quốc (FAO) ước tính sản lượng lúa gạo năm 2020 của Bangladesh đạt 54,85 triệu tấn, tăng nhẹ so với ước tính 54,784 triệu tấn năm 2019.

Vụ mùa 2020 vừa kết thúc. Các vụ "Boro" và "Aus", cũng được thu hoạch sớm hơn do điều kiện thời tiết thuận lợi. Tuy nhiên, vụ mùa "Aman", chiếm khoảng 40% sản lượng hàng năm, đã bị ảnh hưởng nặng nề bởi lũ quét từ tháng 07 đến 08/2020.

Việc gieo trồng lúa "Boro" năm 2021, chiếm 55% sản lượng hàng năm, cũng vừa được hoàn thành. Điều kiện thời tiết thuận lợi kể từ đầu tháng 11/2020, giá cả trong nước tăng mạnh và nguồn thủy lợi dồi dào đã hỗ trợ hoạt động gieo trồng và tạo điều kiện thuận lợi cho việc nảy mầm của cây trồng. Dự kiến việc thu hoạch sẽ bắt đầu vào 04/2021.

FAO dự báo nhập khẩu gạo của Bangladesh vào năm 2021 (từ tháng 1 đến tháng 12) ở mức 1,8 triệu tấn, tăng so với mức 4.000 tấn nhập khẩu vào năm 2020. Chính phủ đã giảm thuế hải quan đối với gạo từ 65,5% xuống 25% vào 12/2020 như một phần trong nỗ lực ổn định giá nội địa. Chính phủ cũng đang mua gạo trên thị trường quốc tế để tăng dự trữ gạo quốc gia và đảm bảo nguồn cung để đáp ứng nhu cầu phân phối công cộng.

Giá gạo đã tăng kể từ tháng 3 đến tháng 4/2020 do thị trường khan hiếm và nhu cầu gia tăng trong bối cảnh đại dịch COVID-19. Vào 01/2021, giá gạo cao hơn khoảng 35% so với năm trước và ở mức cao nhất kể từ 10/2017.

<http://www.fao.org/gIEWS/countrybrief/country/BGD/pdf/BGD.pdf>

### **Trung Quốc:**

#### **\* Dự báo từ FAO:**

Ngày 19/02/2021

(Nguồn: *Oryza.com*)

Tổ chức Nông lương Liên hợp quốc (FAO) ước tính sản lượng lúa năm 2020 của Trung Quốc đạt 211,8 triệu tấn, tăng khoảng 1,1% so với ước tính 209,61 triệu tấn năm 2019.

Vụ mùa năm 2020 được kết thúc vào tháng 11/2019. Thiệt hại do lũ lụt đối với các vụ lúa đứng ở vùng Nam Bộ đã được báo cáo vào tháng 6 và tháng 7/2020 làm giá tăng ở các tỉnh miền Nam. Tuy nhiên, giá gạo indica và

japonica nội địa nhìn chung ổn định vào năm 2020 ở hầu hết các vùng do nguồn cung đầy đủ.

Việc gieo trồng cho vụ lúa sớm năm 2021 sẽ bắt đầu vào cuối tháng 3/2021. Việc gieo trồng cho vụ lúa đôi sớm và muộn sẽ bắt đầu vào cuối tháng 2 và cuối tháng 5.

FAO dự báo nhập khẩu gạo năm 2021 (tháng 1/tháng 12) của Trung Quốc sẽ giảm khoảng 10% so với cùng kỳ năm trước xuống 2,8 triệu tấn do nguồn cung trong nước ổn định.

<http://www.fao.org/giews/countrybrief/country/CHN/pdf/CHN.pdf>

**\* Tăng cường an ninh lương thực trong bối cảnh dịch COVID-19:**

Ngày 22/02/2021

(Nguồn: *Oryza.com*)

Theo Reuters, trong bối cảnh đại dịch COVID-19, Chính phủ Trung Quốc đã thông qua bản kế hoạch chính sách nông thôn hàng năm, "tài liệu số 1", trong đó vấn đề an ninh lương thực được chú trọng nhiều hơn.

Nhằm duy trì an ninh lương thực và ổn định nguồn cung cấp lương thực trong nước, Chính phủ đã tăng cường thúc giục tất cả các tỉnh cải thiện năng suất ngũ cốc trong giai đoạn 2021-25. Để nâng cao năng suất ngũ cốc, chính phủ đã ưu tiên cải thiện lĩnh vực giống và thực hiện các dự án khoa học lớn về chọn tạo giống. Bên cạnh việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong chăn nuôi, chính quyền nước này cũng kêu gọi sự hỗ trợ cho các công ty hạt giống hàng đầu để thiết lập hệ thống nhân giống thương mại.

Ngoài ra, Chính phủ cũng quan tâm đến việc đa dạng hóa nhập khẩu nông sản và hỗ trợ các công ty hội nhập vào chuỗi cung ứng nông sản toàn cầu.

**Philippines:**

**\* Tình hình nhập khẩu gạo:**

Ngày 22/02/2021

(Nguồn: *Oryza.com*)

Theo báo cáo của Business Mirror, dẫn lời Cơ quan Thống kê Philippines (PSA), quốc gia này đã nhập khẩu 2,062 triệu tấn gạo vào năm 2020, giảm khoảng 34% so với ước tính 3,131 triệu tấn năm 2019.

Theo số liệu của PSA, nhập khẩu gạo năm 2020 thấp nhất cả về khối lượng và giá trị kể từ năm 2017. Năm 2020, Philippines nhập khẩu 1,768 triệu tấn (85% tổng lượng hàng nhập khẩu) từ Việt Nam, giảm khoảng 22,35% so với cùng kỳ năm ngoái. Philippines nhập khẩu 158.073 tấn từ Myanmar, giảm khoảng 31%. Về giá trị, nhập khẩu gạo của Philippines giảm khoảng 25% xuống còn 810,233 triệu USD năm 2020 so với 1,079 tỷ USD năm 2019.

Theo số liệu từ Cục Công nghiệp Thực vật (BPI), các nhà nhập khẩu đã mua ít hơn một nửa trong số 4,5 triệu tấn được áp dụng.

**Hàn Quốc:**

**\* Cập nhật kết quả đấu thầu:**

Ngày 22/02/2021

(Nguồn: Oryza.com)

Theo thông báo trên trang web của Tổng công ty Thương mại Nông sản & Thực phẩm Hàn Quốc (KAFTC), nước này đã mua 69.666 tấn gạo lứt xay xát trong tổng số 113.555 tấn như đã thông báo trong cuộc đấu thầu diễn ra vào ngày 22/02/2021. Số lượng còn

Kết quả có thể được tìm thấy tại:

<https://www.at.or.kr/download.action?attachId=88675>

**\* Thông báo đấu thầu:**

Ngày 22/02/2021

(Nguồn: Oryza.com)

Theo thông báo trên trang web của Tổng công ty Thương mại Nông sản & Thực phẩm (KAFTC) Hàn Quốc, nước này tổ chức đấu thầu để mua tiếp 38.889 tấn gạo lứt còn lại của trong một cuộc đấu thầu diễn ra vào ngày 22/02/2021. Buổi đấu thầu sẽ được tổ chức vào ngày 04/03/2021 trong khoảng thời gian từ 10:00 sáng đến 11:00 sáng (giờ KST). Hạn chót nộp hồ sơ dự thầu là 3:00 chiều (KST) ngày 03/03/2021. Thông tin chi tiết về các yêu cầu mua như sau:

**1. Major Matters of the Invitation for Bids**

Invitation No.	Commodity	Country of Origin	Standard	Quantity (M/T)	Period of Arrival	Destination Port
AT2155-BRI-21(957)	Non-Glutinous Brown Rice Medium Grain	U.S.	U.S.No.3	22,222	21.9.30	DONGHAE
AT2160-BRI-21(962)	Non-Glutinous Brown Rice Short Grain	China	U.S.No.3	16,667	21.6.30	MASAN

**Liên minh Châu Âu (EU):**

**\*Liên minh Nông dân Châu Âu phản đối Hiệp định Thương mại Tự do EU - Mercosur:**

Ngày 23/02/2021

(Nguồn: Oryza.com)

Liên minh nông dân và nhà sản xuất Châu Âu thuộc Tổ chức công đoàn và hợp tác xã nông nghiệp châu Âu (COPA-COGECA), Liên đoàn quốc tế của người trồng củ cải đường Châu Âu (CIBE) và Hiệp hội Chế biến thịt gia cầm

và Kinh doanh gia cầm tại Liên minh châu Âu (AVEC) đang phản đối Hiệp định Thương mại Tự do EU-Mercosur (gồm các nước Argentina, Brazil, Paraguay và Uruguay) vì họ lo ngại về những thiệt hại có thể gây ra cho cộng đồng nông dân EU.

Nông dân trồng lúa đặc biệt lo lắng khi thỏa thuận cho phép các nước Mercosur xuất khẩu khoảng 60.000 tấn gạo sang các nước EU với mức thuế bằng 0 trong sáu năm tới. Họ lo ngại rằng Ủy ban châu Âu đã không công nhận gạo là một sản phẩm nhạy cảm trong hiệp định. Bên cạnh đó, họ cũng lưu ý thêm về việc miễn thuế nhập khẩu cho giao dịch nhập khẩu hiện hữu từ các nước Mercosur, chiếm khoảng 100.000 tấn gạo chủ yếu là gạo lứt hàng năm.

Các liên đoàn nông dân sẽ đưa ra một video dài sáu phút giải thích ba lý do chính khiến họ phản đối thỏa thuận đạt được vào tháng 6/2019.

***\*Công bố nghiên cứu về việc sử dụng thuốc trừ sâu ở các nước đang phát triển:***

Ngày 23/02/2021

(Nguồn: *Oryza.com*)

Liên minh Châu Âu đã công bố một nghiên cứu về việc sử dụng thuốc trừ sâu ở các nước đang phát triển và tác động của chúng đối với sức khỏe và an ninh lương thực. Nghiên cứu được tiến hành bởi Tổng Cục Chính sách Đối ngoại của Nghị viện Châu Âu.

Nghiên cứu cung cấp một góc nhìn rộng về các xu hướng chính liên quan đến việc sử dụng thuốc trừ sâu ở các nước đang phát triển. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng phân tích những thách thức để kiểm soát những hóa chất độc hại này. Đồng thời, các nhà nghiên cứu cũng phân tích mức độ sử dụng mà thuốc trừ sâu bị cấm ở EU, nhưng lại đang được phép xuất khẩu sang các nước không thuộc EU. Phân tích đánh giá các yếu tố đằng sau việc tiếp tục xuất khẩu những mặt hàng này, cùng với nhu cầu gia tăng về các biện pháp kiểm soát tốt hơn. Các vấn đề của Kenya cũng được đưa vào nghiên cứu này để phân tích.

Chi tiết nghiên cứu có thể tìm thấy tại:

[https://www.europarl.europa.eu/RegData/etudes/STUD/2021/653622/EXPO\\_STU\(2021\)653622\\_EN.pdf](https://www.europarl.europa.eu/RegData/etudes/STUD/2021/653622/EXPO_STU(2021)653622_EN.pdf)

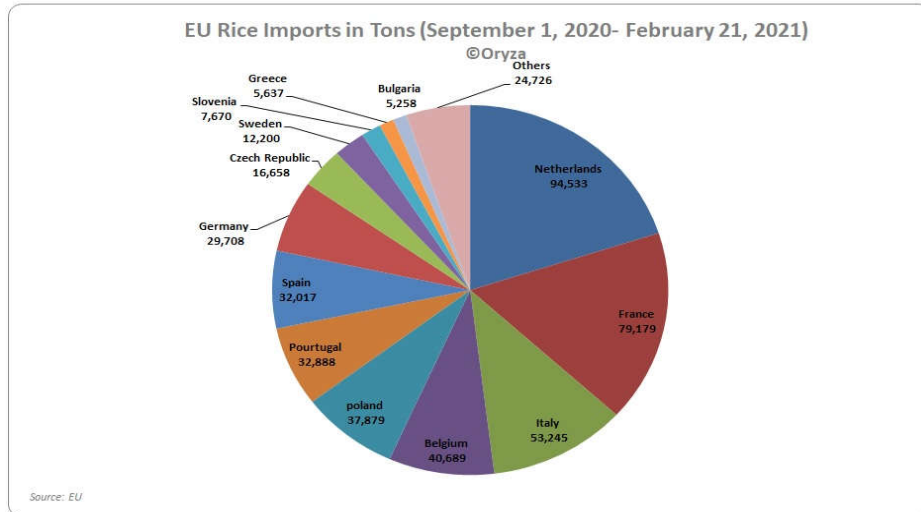
**EU và Anh:**

***\* Tình hình xuất nhập khẩu gạo:***

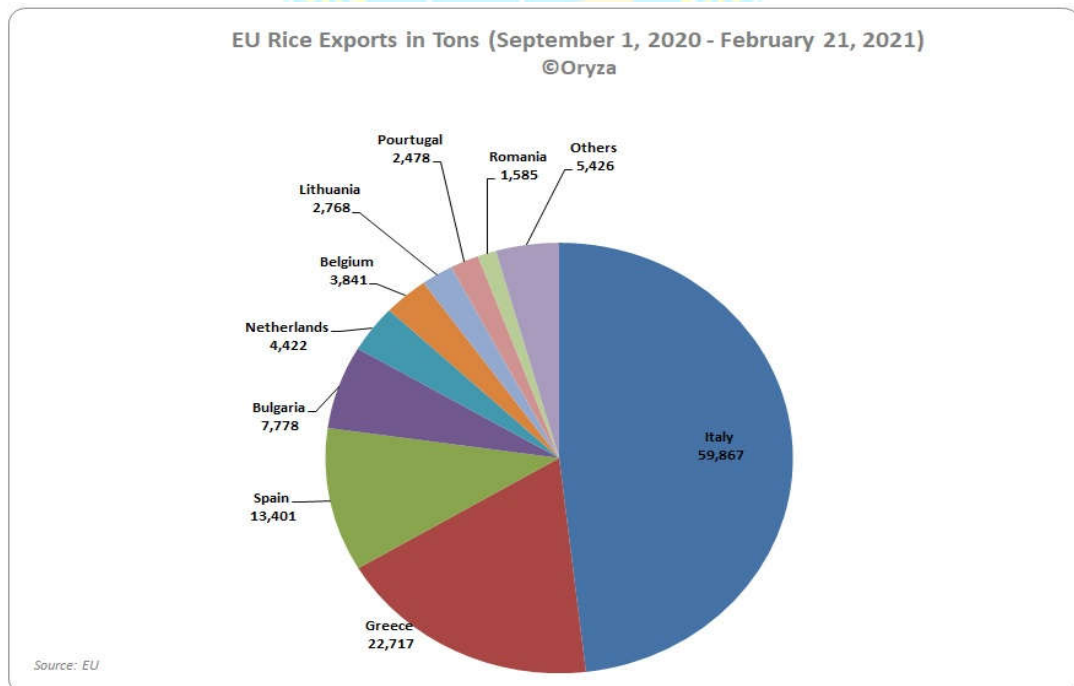
Ngày 23/02/2021

(Nguồn: *Oryza.com*)

Theo số liệu xuất nhập khẩu mới nhất của Liên minh Châu Âu (EU), tính từ ngày 01/09/2020 đến ngày 21/02/2021 của niên vụ 2020/21 (01/09/2020 - 31/08/2021), EU và Anh đã nhập khẩu 556.306 tấn gạo xay xát (trong đó, nhập khẩu gạo Japonica tổng cộng là 101.147 tấn và nhập khẩu gạo Indica đạt tổng cộng 455.159 tấn), giảm khoảng 9% so với 610.208 tấn cùng kỳ của niên vụ 2019/2020.



Đối với xuất khẩu, EU và Anh đã xuất khẩu 124.645 tấn gạo xay xát, tăng khoảng 2% so với 122.106 tấn so với cùng kỳ của niên vụ trước. Trong đó, xuất khẩu gạo Japonica đạt 98.644 tấn và xuất khẩu gạo Indica đạt tổng cộng 26.000 tấn.



\* Lưu ý: Dữ liệu sau ngày 01/01/2021, không bao gồm Vương quốc Anh vì Brexit. Trước Brexit, trong niên vụ hiện tại, từ ngày 01/09/2020 - ngày 31/12/2020, Anh đã nhập khẩu 84.020 tấn và xuất khẩu 362 tấn.

### **III. CÁC NƯỚC XUẤT KHẨU:**

**Thái Lan**, xuất khẩu 421 ngàn tấn gạo các loại, kim ngạch 260 triệu USD trong tháng 01/2021, giảm lần lượt khoảng 23,2% và 15,9% so với cùng kỳ năm trước.

Thị trường Thái Lan khởi động lại vào hôm 15/02 sau kỳ nghỉ Tết Nguyên đán. Tuy nhiên, phân khúc gạo hạt dài vẫn duy trì đà giảm giá trước kỳ nghỉ do thiếu vắng nhu cầu cả trong và ngoài nước. Thặng thâu cung cấp gạo cho Nhật Bản và thỏa thuận với chính phủ Iran đều chưa thể tạo được sự ảnh hưởng tích cực lên phân khúc này trong khi Đài Loan vẫn chưa công bố kết quả thầu mở hôm 18/02 vừa qua. Riêng đối với mặt hàng gạo đồ, nguồn cung này tiếp tục nhận được sự hỗ trợ thường khi của Nam Phi trong khi thị trường Tây Phi lại rất yên ắng, kể cả gạo trắng, do giá cước trên các tuyến vận chuyển sang khu vực này tăng mạnh trong những tháng vừa qua. Phân khúc gạo Hom Mali cũng không ghi nhận nhiều diễn biến khi nhu cầu của khu vực Đông Phi thời gian qua rất trầm lắng.

**Ấn Độ**, lạc quan hơn nhờ tiến độ làm hàng cải thiện khi cảng nước sâu Kakinada đã được đưa vào khai thác từ hôm 13/02 nhằm giảm tải sự ùn tắc kéo dài trong suốt thời gian qua tại các cảng khác.

Dự báo nguồn cung gạo trắng và gạo đồ hàng hóa trong thời gian tới cũng sẽ dồi dào hơn khi hoạt động thu mua của chính phủ chậm lại và có thể kết thúc vào cuối tháng 02/2021. Đồng rupee Ấn Độ tăng giá so với đồng dollar cũng là nhân tố cần quan sát trong thời gian tới.

Riêng phân khúc gạo tấm vẫn tiếp tục vững vàng nhờ nhu cầu thu mua của các thương nhân trong nước để giao hoàn tất các đơn hàng đã ký kết với khách hàng Trung Quốc cũng như khả năng về một đợt nhập khẩu mới từ khu vực Tây Phi. Trong khi đó, nguồn cung gạo tấm hàng hóa trong nước lại rất hạn chế.

Phân khúc gạo basmati và gạo đồ rất yên ắng, giá giảm do thiếu vắng nhu cầu và đặc biệt là Iran hoàn toàn vắng bóng trong thời gian này.

**Pakistan**, xuất khẩu 324 ngàn tấn gạo (gồm 73 ngàn tấn gạo basmati và 251 ngàn tấn gạo non-basmati) trong tháng 01/2021, giảm 33% so với tháng 12/2020 và giảm 12% so với cùng kỳ năm trước.

Phân khúc gạo trắng yên ắng, giá giảm sau kỳ nghỉ Tết Nguyên đán do thị trường Trung Quốc vẫn chưa sôi động trở lại hẳn trong khi thị trường châu Phi tiếp tục gặp phải sự cạnh tranh từ nguồn cung Ấn Độ. Tuần qua chỉ ghi nhận một vài thỏa thuận số lượng nhỏ, chất lượng cao, loại gạo 5% tấm với Trung Quốc; gạo tấm trắng với châu Âu và châu Phi. Tương tự Ấn Độ, thiếu vắng nhu cầu nhập khẩu gạo từ Iran và giá cước tàu biển đi châu Âu tăng phi

mã làm những nguyên nhân chính làm giá chào gạo basmati tuần qua đi xuống.

Miền Điện, tiếp tục chịu ảnh hưởng bởi tình hình chính trị trong nước đang rất bất ổn. Các thương nhân không chào giá mới và thận trọng chờ đợi các diễn biến tiếp theo. Hệ thống internet, dịch vụ ngân hàng, xuất nhập khẩu và hải quan vẫn bị đình trệ sau cuộc chính biến hôm 01/02 vừa qua.

#### **IV. TỶ GIÁ NGOẠI TỆ MỘT SỐ NƯỚC:**

<b>Ngoại tệ</b>	<b>Ngày 19/02</b>	<b>Ngày 22/02</b>	<b>Ngày 23/02</b>	<b>Ngày 24/02</b>	<b>Ngày 25/02</b>
Yuan Trung Quốc (CNY)	6,48	6,47	6,46	6,46	6,47
Euro (USD/Euro)	1,21	1,21	1,22	1,22	1,22
Rupiah Indonesia (IDR)	14.067,37	14.127,64	14.095,29	14.076,22	14.239,39
Rupee Ấn Độ (INR)	72,51	72,44	72,36	72,31	73,02
Yen Nhật Bản (JPY)	105,59	105,76	105,23	105,51	106,17
Philippines Peso (PHP)	48,49	48,70	48,69	48,67	48,66
Pakistan Rupees (PKR)	159,02	159,08	158,83	158,74	157,90
Baht Thái Lan (THB)	29,97	30,03	30,02	30,03	30,31
Vietnamese Dong (VND)	22.962,75	23.058,35	23.015,78	23.031,55	23.034,92

(Nguồn: [www.xe.com](http://www.xe.com))

#### **B/ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU TRONG NƯỚC:**

##### **I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT TRONG NƯỚC:**

###### ***1. Tiến độ sản xuất:***

Tính đến ngày 25/02/2020, theo số liệu của Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp & PTNT, các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL vụ Đông Xuân 2020 – 2021 đã xuống giống được đã xuống giống được 1,520 ha/1,550 triệu ha diện tích kế hoạch, đã thu hoạch được 220 ngàn ha với năng suất khoảng 6,37 tấn/ha.

###### ***2. Tình hình và dự báo sâu bệnh tổng hợp trong tuần từ ngày 13.02 đến 20.02.2020):***

(Nguồn Cục BVTV, Theo [www.ppd.gov.vn](http://www.ppd.gov.vn))

###### **2.1. Tình hình sinh vật gây hại chủ yếu:**

###### **\* Trên cây lúa**

- **Rầy hại lúa:** Diện tích nhiễm 8.565 ha (tăng 4.681 ha so với kỳ trước, giảm 2.756 ha so với CKNT), diện tích phòng trừ trong kỳ 7.896 ha. Phân bố



chủ yếu tại các tỉnh phía Nam như Long An, Đồng Tháp, An Giang, Hậu Giang, Bạc Liêu, Kiên Giang, Tiền Giang...

- **Sâu cuốn lá nhỏ:** Diện tích nhiễm 4.360 ha (giảm 1.138 ha so với kỳ trước, giảm 7.718 ha so với CKNT), diện tích phòng trừ trong kỳ 2.231 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh An Giang, Bạc Liêu, Đồng Tháp, Kiên Giang, Sóc Trăng, Tây Ninh, Khánh Hòa, Bình Thuận, Quảng Ngãi, Gia Lai,...

- **Sâu đục thân 2 chấm:** Diện tích nhiễm 2.592 ha (tăng 2.001 ha so với kỳ trước, tăng 2.299 ha so với CKNT), diện tích phòng trừ trong kỳ 526 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Bạc Liêu, Sóc Trăng, Bà Rịa Vũng Tàu, Hậu Giang, Bình Thuận, Gia Lai.

- **Sâu năn (muỗi hành):** Diện tích nhiễm 524 ha (tăng 430 ha so với kỳ trước, giảm 3.380 ha so với CKNT). Phân bố chủ yếu tại các tỉnh phía Nam như Bạc Liêu, Long An, Kiên Giang, Hậu Giang, An Giang.

**- Bệnh đạo ôn:**

+ **Bệnh đạo ôn lá:** Diện tích nhiễm 18.062 ha (tăng 1.445 ha so với kỳ trước, tăng 3.790 ha so với CKNT), diện tích phòng trừ trong kỳ 11.033 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Bạc Liêu, Long An, Đồng Tháp, Sóc Trăng, An Giang, Hậu Giang, Bình Thuận, Khánh Hòa, Bình Định, Quảng Ngãi, Ninh Thuận, Phú Yên, Gia Lai, Lâm Đồng, Đắk Lắk, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế,...

+ **Bệnh đạo ôn cổ bông:** Diện tích nhiễm 3.609 ha (tăng 797 ha so với kỳ trước, giảm 3.560 ha so với CKNT), diện tích phòng trừ trong kỳ 7.154 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh phía Nam như Kiên Giang, Long An, Vĩnh Long, Hậu Giang, Bạc Liêu, Sóc Trăng, ...

- **Bệnh đen lép hạt:** Diện tích nhiễm 8.875 ha (tăng 3.262 ha so với kỳ trước, giảm 6.173 ha so với CKNT), diện tích phòng trừ trong kỳ 18.898 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh phía Nam như Kiên Giang, Bạc Liêu, Đồng Tháp, Sóc Trăng, Hậu Giang, An Giang, ...

- **Bệnh bạc lá:** Diện tích nhiễm 7.197 ha (tăng 892 ha so với kỳ trước, giảm 4.799 so với CKNT), diện tích phòng trừ trong kỳ 1.714 ha. Phân bố chủ yếu ở các tỉnh phía Nam như Bạc Liêu, Long An, Sóc Trăng, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Kiên Giang, ...

- **Chuột:** Diện tích nhiễm 6.367 ha (giảm 511 ha so với kỳ trước, giảm 3.212 ha so với CKNT), diện tích nặng 187 ha, diện tích phòng trừ trong kỳ 5.553 ha. Phân bố chủ yếu ở các tỉnh An Giang, Đồng Tháp, Hậu Giang, Bạc Liêu, Quảng Ngãi, Bình Định, Hà Tĩnh, Điện Biên,....

- **Ốc bươu vàng:** Diện tích nhiễm 3.347 ha (giảm 1091 ha so với kỳ trước, giảm 1.237 ha so với CKNT), diện tích phòng trừ trong kỳ 3.734 ha. Phân bố chủ yếu ở các tỉnh Điện Biên, Phú Thọ, vùng Khu 4, Đồng Nai, Sóc Trăng, Bình Thuận, Lâm Đồng, Quảng Nam, ...

**2.2. Dự báo sâu bệnh:**

**\* Trên cây lúa**

### **a) Các tỉnh Bắc Bộ**

- Trên mạ chiêm xuân: Các đối tượng sâu bệnh hại chính như *sâu đục thân 2 chấm, rầy các loại, ốc bươu vàng, chuột*,... tiếp tục hại, mức độ gây hại chủ yếu từ nhẹ - Trung bình.

- Trên Lúa Đông Xuân 2020 - 2021: *Ốc bươu vàng, chuột*,... phát sinh gây hại tăng, mức độ hại phổ biến từ nhẹ - trung bình, cục bộ hại nặng các ruộng trũng, lúa gieo thẳng, lúa mới cấy; *rầy nâu, rầy lưng trắng, sâu cuốn lá nhỏ, tuyến trùng rễ, bệnh nghệt rễ*... phát sinh và gây hại nhẹ.

Thời tiết kỳ tới trong khu vực có mưa phùn, độ ẩm cao vì vậy *bệnh đạo ôn lá* có khả năng phát sinh gây hại tăng trên giống nhiễm, trà sớm.

### **b) Các tỉnh Bắc Trung Bộ**

- Trong kỳ tới thời tiết vẫn thuận lợi cho *bệnh đạo ôn lá* phát sinh phát triển, bệnh tiếp tục lây lan ra diện rộng, mức độ hại tăng trên các giống nhiễm, ruộng bón thừa đạm;

Ngoài ra, các đối tượng như: *Ốc bươu vàng, chuột*,... tiếp tục phát sinh gây hại cục bộ; bọ trĩ, sâu cuốn lá nhỏ, rầy các loại, hại phổ biến trên đồng ruộng ở mức độ từ nhẹ - Trung bình.

### **c) Các tỉnh Duyên Hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên:**

- *Rầy nâu, rầy lưng trắng, bệnh đạo ôn* gia tăng gây hại trên lúa Đông Xuân sớm- chính vụ giai đoạn làm đòng - Trổ - Ngâm sữa. *Sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục thân 2 chấm*... tiếp tục phát sinh, phát triển và gây hại phổ biến ở mức nhẹ - Trung bình trên lúa Đông Xuân giai đoạn đẻ nhánh - Làm đòng.

Ngoài ra, các đối tượng như: *Chuột* tiếp tục gây hại mạnh trên các trà lúa, hại mạnh lúa giai đoạn đẻ nhánh - Làm đòng; *ốc bươu vàng, bọ trĩ*,... hại cục bộ.

### **d) Các tỉnh Đông Nam Bộ và Đồng bằng Sông Cửu Long:**

- *Rầy nâu*: trên đồng ruộng rầy chủ yếu rầy tuổi 2-3 và gây hại phổ biến ở mức nhẹ-trung bình trên lúa giai đoạn đẻ nhánh-đòng trổ, cục bộ có diện tích nhiễm nặng trên lúa giai đoạn trổ - chín do rầy tích lũy mật độ từ đầu vụ. Chú ý theo dõi sát tình hình rầy trên đồng để có biện pháp quản lý phù hợp.

- *Sâu cuốn lá nhỏ*: gây hại phổ biến ở mức nhẹ - Trung bình trên lúa giai đoạn đẻ nhánh - đòng trổ, những ruộng sạ dày, bón thừa phân đạm và phun thuốc trừ sâu sớm có thể bị hại nặng.

- *Bệnh đạo ôn, bạc lá vi khuẩn, lem lép hạt*: có chiều hướng gia tăng diện tích gây hại trên lúa. Chú ý thăm đồng thường xuyên, kiểm tra kỹ để phát hiện sớm và có biện pháp kiểm soát kịp thời, đặc biệt là những ruộng trồng giống nhiễm, gieo sạ dày, bón thừa phân đạm.

- *Chuột*: tiếp tục gây hại mạnh trên trà lúa giai đoạn đòng trổ-chín. Khuyến cáo áp dụng các biện pháp diệt chuột trên diện rộng, đồng loạt. Ưu tiên sử dụng các biện pháp cơ học, vật lý, bã môi sinh học. Thu gom xác chuột, bã môi để giảm ô nhiễm môi trường. Tuyệt đối không sử dụng điện diệt chuột để tránh gây nguy hiểm cho con người và các động vật có ích khác.

Ngoài ra, lưu ý theo dõi diễn biến của *sâu năn* (muỗi hành) gây hại trên lúa giai đoạn đẻ nhánh. Khuyến cáo bón phân cân đối, không bón thừa phân đạm và sử dụng chất kích thích sinh trưởng ở giai đoạn mạ đến đẻ nhánh, chăm sóc cho cây lúa khỏe, tăng khả năng phục hồi.

## **II. KẾT QUẢ XUẤT KHẨU GAO:**

Theo số liệu tổng hợp, xuất khẩu từ 15 ngày đầu tháng 2/2021 đạt 130.597 tấn, trị giá 72,213 triệu USD so với cùng kỳ về số lượng giảm 46,08% và về trị giá giảm 32,24%. Lũy kế xuất khẩu từ đầu năm đến ngày 15/02/2021 đạt 478.171 tấn, trị giá 263,964 triệu USD so với cùng kỳ về số lượng giảm 25,2% và về trị giá tăng 11,9%.

## **III. BẢNG TÀU ĐANG XÉP HÀNG TẠI CÁC CẢNG:**

Từ ngày 01/02 – 25/02/2021, có 12 tàu vào các cảng xếp hàng với số lượng dự kiến 122.600 tấn gạo các loại trong đó, 11 tàu cảng Hồ Chí Minh và 01 tàu cảng Mỹ Thới).

STT	Tên tàu	Cảng xếp hàng	Ngày xếp	Số lượng	Thị trường Xuất khẩu
1	Global Harmony	HCM	02/02/21	30.000	Cuba
2	Hải Hà 388	HCM	03/02/21	3.700	Philippines
3	Royal 16	HCM	04/02/21	4.800	Philippines
4	An Bình 18	HCM	05/02/21	4.000	Philippines
5	Hà Đông	Mỹ Thới	05/02/21	4.000	Philippines
6	Hòa Bình 9	HCM	09/02/21	6.000	Philippines
7	TTC Vĩnh An	HCM	14/02/21	6.000	Philippines
8	Argos M	HCM	14/02/21	30.000	Cuba
9	Agali	HCM	16/02/21	2.500	Châu Phi
10	Royal 88	HCM	17/02/21	5.000	Philippines
11	ATN Apolo	HCM	17/02/21	6.600	Philippines
12	Leo Star I	HCM	18/02/21	20.000	Châu Phi
<b>Tổng</b>				<b>122.600</b>	

#### IV. GIÁ LÚA GAO NỘI ĐỊA Ở CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG:

Loại Hàng	Tỉnh Tiền Giang		Tỉnh Long An		Tỉnh Đồng Tháp		Tỉnh Cần Thơ		Tỉnh An Giang		Tỉnh Bạc Liêu		Tỉnh Kiên Giang		Giá cao nhất	Giá BQ	
	25/02	+/-	25/02	+/-	25/02	+/-	25/02	+/-	25/02	+/-	25/02	+/-	25/02	+/-			
<b><u>Lúa Tươi Tại Ruộng</u></b>																	
Hạt dài	7.050	-	6.350		6.750	-250	6.650	-	6.875	-75			7.100	-100	7.100	6.796	
Lúa thường	6.950	-100	6.250		6.750	-200	6.550	-	6.875	-150	6.750	-100	6.900	-100	6.950	6.718	
<b><u>Lúa Khô/Ướt Tại Kho</u></b>																	
Hạt dài	8.250	-	7.550	-400	8.250	-300			7.125	-75			8.100	-100	8.250	7.855	
Lúa thường	8.150	-100	7.450	-300	7.975	-275			7.125	-150			7.900	-100	8.150	7.720	
<b><u>Gạo Nguyên Liệu</u></b>																	
Lứt loại 1	10.950	+600	10.150	-200	10.150	-225			10.150	-200			10.450	-100	10.950	10.370	
Lứt loại 2	10.450	+200	10.050	-200	10.100	-50			10.150	-	10.100	-350	10.070	-80	10.450	10.153	
Xát trắng loại 1			11.150	-300				11.350	-200	11.350	-400		11.600	-200	11.600	11.363	
Xát trắng loại 2			11.050	-200				11.250	-100	11.250	-100	11.200	-550	11.300	-100	11.300	11.210
<b><u>Phu Phẩm</u></b>																	
Tấm 1/2	9.650	-	9.450	100	9.750	-100	9.450	100	9.350	50	9.150	-700	9.900	-100	9.900	9.529	
Tấm 2/3			8.550	-	9.350	-			8.350	-			8.400	-100	9.350	8.663	
Tấm 3/4	8.250	-100	8.250	-	8.250	-	8.150	-							8.250	8.225	
Cám xát	7.450	+400	7.350	-	7.150	-	7.250	-	7.050	-100	6.950	-100	7.250	-100	7.450	7.207	
Cám lau	7.450	+400	7.350	-	7.150	-	7.250	-	7.050	-100	6.950	-100	7.250	-100	7.450	7.207	
<b><u>Gạo TPXK Không Bao Tại Man</u></b>																	
5%	11.650	-	11.550	-300	11.450	-	11.650	-100	12.100	-100	11.600	-300	11.400	-100	12.100	11.629	
10%			11.450	-300					12.000	-100					12.000	11.725	
15%	11.250	-	11.350	-300	11.150	-			11.900	-100	11.400	-300	11.200	-100	11.900	11.375	
20%			11.250	-300					11.600	-100					11.600	11.425	
25%	10.850	-	11.150	-300	10.850	-			11.100	-100	11.200	-300	10.900	-100	11.200	11.008	

\*\*\*